

Bản án số: 57/2023/KDTM-ST

Ngày: 30/6/2023

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tổng Thị Kim Điền;

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 21/2023/TLST-KDTM ngày 22/02/2023 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2023/QĐST-KDTM ngày 13/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Nguyên T; Địa chỉ: Đường số 2 cụm công nghiệp L, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Việt C – Chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Văn H, sinh năm: 1951; Địa chỉ: Số 212/327/9 đường N, phường Tân Định, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 15-2023/CP-NT/GUQ ngày 12/01/2023). Có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng K; Địa chỉ: 45 lô L, đường số 2, khu dân cư P, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 18 Lô J, đường số 8 – KDC P, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 12/01/2023; quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu khởi kiện:

Công ty Cổ phần Nguyên T (Gọi tắt Công ty Nguyên T) ký Hợp đồng kinh tế số: HS/KQ/01/20.04/09 ngày 20/4/2020 với Công ty TNHH Xây dựng K (Gọi tắt Công ty K) cung cấp bê tông thương phẩm và dịch vụ kèm theo cho công trình: Khu đô thị Water Point (Tiểu khu B1), địa chỉ: Phú An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Từ tháng 5/2020 đến 07/01/2021 Công ty Nguyên T đã cung cấp bê tông thương phẩm cho công trình trên tổng cộng 476,50m³ và Nguyên T đã xuất 06 hóa đơn GTGT cho Công ty K cụ thể như sau:

- HĐGTGT số 0002487 ngày 31/5/2020: 316m³ thành tiền: 415.500.000 đồng
- HĐGTGT số 0000090 ngày 30/6/2020: 78,5m³ thành tiền: 97.315.000 đồng
- HĐGTGT số 0000214 ngày 31/7/2020: 37,5m³ thành tiền: 74.930.000 đồng
- HĐGTGT số 0000380 ngày 31/8/2020: 17,5m³ thành tiền: 20.520.000 đồng
- HĐGTGT số 0000896 ngày 07/01/2021: 02m³ thành tiền: 2.660.000 đồng
- HĐGTGT số 0000897 ngày 07/01/2021: 05m³ thành tiền: 6.500.000 đồng

Công ty K đã nhận hóa đơn Công ty Nguyên T đã giao không thiếu mất về khối lượng cũng như chất lượng Công ty Nguyên T đã giao. Công ty K đã thanh toán một đợt cho Công ty Nguyên T với tổng số tiền là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Số nợ còn lại là 317.425.000 đồng. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng khoản 2.2 Điều 2: Công ty K thanh toán cho Công ty Nguyên T 100% giá trị của từng đợt cung ứng bê tông trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn GTGT; Khoản 2.2.6 Điều 2 tất cả khoản thanh toán chậm đều phải chịu lãi suất 0.1%/ngày trên số tiền chậm trả.

Tính đến thời điểm hiện nay hơn 24 tháng Công ty K vẫn không thanh toán thêm khoản tiền nào mặc dù Công ty Nguyên T đã nhiều lần điện đàm công văn, cử người đến K đề nghị thanh toán nhưng không được đáp ứng. Việc cố chấp kéo dài không thanh toán của Công ty K là không có căn cứ vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thỏa thuận theo khoản 2.2.2 và 2.2.6 Điều 2 Hợp đồng đã ký, Khoản 1 Điều 306 Luật thương mại 2005 vi phạm quyền và lợi ích của Công ty Nguyên T.

Vì vậy Công ty Nguyên T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Buộc Công ty TNHH Xây dựng K phải trả cho Công ty Cổ phần Nguyên T tổng cộng là 460.266.250 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc là: 317.425.000 đồng.

+ Nợ quá hạn là: 142.841.250 đồng. Lãi suất tạm tính từ 15/01/2021 đối với các Hóa đơn GTGT số 0000896 ngày 07/01/2021 và Hóa đơn GTGT số 0000897 ngày 07/01/2021. Các hóa đơn còn lại nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 07/01/2021. Lãi suất tạm tính đến ngày 12/01/2023 là 24 tháng theo lãi suất nợ quá hạn của Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Yêu cầu trả ngay làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Lãi suất tiếp tục tính cho đến khi Công ty Kim Quy thanh toán nợ dứt điểm cho Công ty Nguyên T.

Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng K đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn Công ty TNHH Xây dựng K vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Nguyên T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng K trả số tiền còn nợ chưa thanh toán và lãi phát sinh do việc chậm thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số: HS/KQ/01/20.04/09 ngày 20/4/2020 mà các bên đã ký kết, nên đây là tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0304329798, đăng ký lần đầu ngày 21/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09/6/2021 thì bị đơn có địa chỉ trụ sở tại: Số 45 lô L, đường số 2, khu dân cư Phú Mỹ, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Tp. HCM theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét yêu cầu của Công ty Cổ phần Nguyên T yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền còn thiếu theo thỏa thuận tại hợp đồng kinh tế số HS/KQ/01/20.04/09 ngày 20/4/2020 đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là 317.425.000 đồng.

Ngày 20/4/2020, Công ty Cổ phần Nguyên T và Công ty TNHH Xây dựng K đã ký kết hợp đồng mua kinh tế HS/KQ/01/20.04/09, hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức, các bên thỏa thuận với nhau về các nội dung cơ bản của hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 24 Luật Thương mại 2005, hợp đồng được công nhận và có giá trị hiệu lực ràng buộc các bên.

Căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện như sau:

- Căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng: - Hóa đơn GTGT số 0002487 ngày 31/5/2020: 316m³ thành tiền: 415.500.000 đồng; - Hóa đơn GTGT số 0000090 ngày 30/6/2020: 78,5m³ thành tiền: 97.315.000 đồng; - Hóa đơn GTGT số 0000214 ngày 31/7/2020: 37,5m³ thành tiền: 74.930.000 đồng; - Hóa đơn GTGT số 0000380 ngày 31/8/2020: 17,5m³ thành tiền: 20.520.000 đồng; - Hóa đơn GTGT số 0000896 ngày 07/01/2021: 02m³ thành tiền: 2.660.000 đồng; - Hóa đơn GTGT số 0000897 ngày 07/01/2021: 05m³ thành tiền: 6.500.000 đồng. Tổng cộng: 617.425.000 đồng.

Ngày 25/8/2020, Công ty TNHH Xây dựng K đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Nguyên T số tiền 300.000.000 đồng.

Công ty TNHH Xây dựng K còn nợ Công ty Cổ phần Nguyên T số tiền là 317.425.000 đồng;

Căn cứ theo quy định tại Điều 2 hợp đồng về thời gian và hình thức thanh toán: *“2.2.2 Điều kiện thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị của từng đợt cung ứng bê tông trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn giá trị gia tăng”*.

Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại 2005 quy định:

Điều 50. Thanh toán

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã bán hàng hóa cho bị đơn, tính đến ngày 30/6/2023, Công ty TNHH Xây dựng K còn nợ Công ty Cổ phần Nguyên T số tiền là 317.425.000 đồng. Nguyên đơn cũng đã xuất hóa đơn VAT cho bị đơn theo quy định. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 317.425.000 đồng có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán:

Bị đơn chậm thanh toán tiền mua hàng hóa cho nguyên đơn như nhận định tại phần nhận định [3.1] nêu trên, Công ty Cổ phần Nguyên T đã xuất hóa đơn VAT cho Công ty TNHH Xây dựng K theo quy định.

Căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*

Căn cứ theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

“Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”

Căn cứ theo quy định tại Điều 2 hợp đồng: *“2.2.6 Nếu bên A vi phạm mục 2.2.2 hoặc 2.2.3 bên B sẽ tạm ngừng cấp bê tông và không chịu mọi hậu quả xảy ra. Tất cả các khoản thanh toán chậm đều phải chịu một khoản lãi suất là 0,1%/ngày trên số tiền trả chậm nhưng không được quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thanh toán cho bên B”*

Theo thông báo lãi suất ngày 28/3/2023 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (chi nhánh Quận 7 Sài Gòn) thì lãi suất cho vay trung hạn đối với khách hàng doanh nghiệp là 10%/năm; như vậy lãi suất quá hạn là 15%/năm (150% của lãi trong hạn); Theo công văn số 411/CV-NSG.QLN ngày 07/02/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (chi nhánh Nam Sài Gòn) thì lãi suất cho vay đối với khách hàng là doanh nghiệp vay sản xuất kinh doanh trung hạn là 13%/năm; như vậy lãi suất quá hạn là 19.5%/năm (150% của lãi trong hạn); Theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Phú Mỹ Hưng) thì lãi suất cho vay trung hạn đối với khách hàng doanh nghiệp là 10%/năm; như vậy lãi suất quá hạn lần lượt là 15%/năm (150% của lãi trong hạn). Như vậy, lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường là: $(15\% + 19.5\% + 15\%):3 = 16.5\%/năm$ (1.375%/tháng, 0.11%/ngày).

- Hóa đơn GTGT số 0000896 ngày 07/01/2021: 02m³ thành tiền: 2.660.000 đồng; - Hóa đơn GTGT số 0000897 ngày 07/01/2021: 05m³ thành tiền: 6.500.000 đồng nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 15/01/2021 là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 2 hợp đồng về thời gian và hình thức thanh toán: *“2.2.2 Điều kiện thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị của từng đợt cung ứng bê tông trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn giá trị gia tăng”*. Do đó lãi suất đối với hai hóa đơn này nguyên đơn yêu cầu được tính từ ngày 15/01/2021 là phù hợp và lãi suất được tính như sau:

$9.160.000 \text{ đồng} \times 16.5\%/năm \times 29 \text{ tháng} + 15 \text{ ngày} = 3.715.530 \text{ đồng}.$

Nguyên đơn tính lãi suất của các Hóa đơn - Hóa đơn GTGT số 0002487 ngày 31/5/2020: 316m³ thành tiền: 415.500.000 đồng; - Hóa đơn GTGT số 0000090 ngày 30/6/2020: 78,5m³ thành tiền: 97.315.000 đồng; - Hóa đơn GTGT số 0000214 ngày 31/7/2020: 37,5m³ thành tiền: 74.930.000 đồng; - Hóa đơn GTGT số 0000380 ngày 31/8/2020: 17,5m³ thành tiền: 20.520.000 đồng từ ngày

07/01/2021, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận do đó lãi suất được tính như sau:

$308.265.000 \text{ đồng} \times 16.5\%/\text{năm} \times 29 \text{ tháng} + 22 \text{ ngày} = 126.028.985 \text{ đồng}$

[4] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với phân tích, nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, 229, Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 24 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn - Công ty Cổ phần Nguyên T, bị đơn - Công ty TNHH Xây dựng K.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Nguyên T: Buộc Công ty TNHH Xây dựng K có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Nguyên T số tiền nợ 317.425.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 30/6/2023 là 129.744.515 đồng; tổng cộng là: 447.169.515 đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Xây dựng K phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 21.886.781 đồng

Công ty Cổ phần Nguyên T không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.205.325 đồng theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0015516 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Nguyên T.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Nguyên T cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Xây dựng K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn - Công ty Cổ phần Nguyên T; bị đơn - Công ty TNHH Xây dựng K được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu (TK. Thanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Phương